

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ - ST

Ngày 04/07/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH TH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thư.

2. Ông Trịnh Tiến Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị TR, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N tỉnh Th.

Bị đơn: Anh Hoàng Tiến L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện H, tỉnh Th.

Tại phiên tòa vắng mặt chị TR (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); vắng mặt anh L không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị TR trình bày: Chị và anh Hoàng Tiến L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú L, huyện H, tỉnh TH ngày 24/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Anh L thường xuyên chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng không được. Từ tháng 4/2016 vợ chồng đã ly thân không quan tâm qua lại gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Tiến L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 25/9/2016. Ly hôn chị TR đề nghị được nuôi con. Không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng anh Hoàng Tiến L đều vắng mặt tại Tòa không có lý do. Qua xác minh tại địa phương, anh L biết việc Tòa án thụ lý, triệu tập làm việc để giải quyết việc ly hôn đối với chị TR nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu của chị TR. Về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp được biết, sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì anh L vào Bình Dương đi làm còn chị TR đi xuất khẩu lao động khoảng 3 năm. Sau khi trở về vợ chồng mâu thuẫn rồi ly thân từ đó đến nay không còn qua lại gì với nhau. Chị TR và anh L có một con chung là Hoàng Đăng Kh còn nhỏ, hiện nay đang ở với chị TR.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại các Điều 28, 35 BLTTDS: Thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Xác định tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS nhân dân và các đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị TR thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Tiến L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã giao giấy triệu tập, văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L nhưng quá trình làm việc và tại phiên tòa anh L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS đề nghị xét xử vắng mặt chị Lê Thị TR và anh Hoàng Tiến L.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TR.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị TR được ly hôn anh Hoàng Tiến L.
- *Về con chung:* Giao con chung là Hoàng Đăng Khoa cho chị TR trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chưa yêu cầu nên miễn xét.
- *Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu nên miễn xét.
- *Về án phí:* Chị Lê Thị TR phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Tiến L có địa chỉ thường trú tại thôn Ph, xã Phú L, huyện H, tỉnh Th. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện H theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị TR có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Tiến L được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt chị TR, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị TR và anh Hoàng Tiến L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Phú L, huyện H, tỉnh TH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 24/12/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại Tòa án nhận thấy: Sau khi kết hôn về chung sống thời gian ngắn nhưng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không còn qua lại gì với nhau.

Xét hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị TR, cho chị TR được ly hôn anh L là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị TR và anh L có một con chung là Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 25/9/2016. Hiện cháu Khoa đang ở với chị TR nên giao cho chị TR trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng chị TR không yêu cầu nên anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị TR.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị TR phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, **khoản 4 Điều 147**, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Vắng mặt chị Lê Thị TR và anh Hoàng Tiến L.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị TR được ly hôn anh Hoàng Tiến L.

Về con chung: Xử giao con chung là Hoàng Đăng Khoa, sinh ngày 25/9/2016 cho chị Lê Thị TR trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị TR.

Anh L được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu miễn xét.

Về án phí: Chị Lê Thị TR phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005178 ngày 020/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị TR đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lê Thị TR, anh Hoàng Tiến L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Th;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Sang

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Sang

HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Sang

